

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD2+P1	7:25	6+16+0	0+0+0		4+17+0	0+0+0	chuyến 1 td2-p1
2		P3+BK15+BK10	7:25	4+10+8	0+0+0		0+9+6	0+0+0	
3		P2+P11	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	chuyen 2 p2-p11
4		P9+P10+P8	9:25	13+9+0	0+0+0		11+10+1	0+0+0	
5		TD2+P9	9:25	11+11	0+0		8+14	0+0	
6		VSP01+P2+MRM	9:25	5+17+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
7		TD3+PPD+P11	11:25	6+9+7	0+0+0		2+4+16	0+0+0	
8		P2+BK6+BK8	11:25	10+12+0	0+0+0		9+11+0	0+0+0	chuyen 2 bk6-bk8
9		P10+P3+BK21	11:25	21+0+0	0+0+0		17+3+1	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: TD3 - TD2 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - ĐANG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAKHIMOV A.R.	TD3	88	1	5	40	96	D-HANH	Russian
2	SHEREMETIEV A.V	TD3	85	1	7		81	D-HANH	Russian
3	NGUYỄN VĂN MINH	TD3	84	1	2		74	D-HANH	Vietnamese
4	TRẦN THANH HOÀNG	TD3	83	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN NAM	TD3	87	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔNG TRUNG HUY	TD3	86	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	93	1	5	40	75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	85	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ THẬP TOÀN	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD2	32-33	2	20		79	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	37-38	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ MINH ĐỨC	TD2	90	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	92	1	2		50	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	87	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG DINH QUÊ	TD2	94	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CÔNG VINH	TD2	35	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TRẦN VIỆT	TD2	34	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH DUY HAI	TD2	39	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	86	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	91	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MINH	TD2	88-89	2	16		63	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM SY NGỌC MINH	TD2	36	1	4		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	6	38	453	40	4		CHUYEN 1 PAX TD2-P1
2	TD2	16	18	102	1.102	40	17		
3	P1	0	0	0	0	49	0		
TOTAL		22	24	140	1.555	129	21		
WEIGHT KG				140	1.555	129			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: P3 - BK15 - BK10	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TRUONG SA	P3					69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH HOANG NGUYEN	P3	56	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	MIKHAILOV EVGENI	P3	58	1	4	25	91	KH-THAC	Russian
4	PHAM MINH TUAN	P3	57	1	7		61	PSV	Vietnamese
5	VU HUU CHINH	BK15	99	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	BK15	03	1	11		95	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU HAU	BK15	06	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN QUANG HOANG	BK15	01	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
9	LUU TIEN THANH	BK15	07	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI TIEN THANH	BK15	08-09	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VUONG KIEN QUOC	BK15	05	1	10		81	DVL	Vietnamese
12	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	BK15	800	1	15		81	DVL	Vietnamese
13	NHAM ĐỨC TUAN	BK15	10	1	15	35	64	DVL	Vietnamese
14	HOANG VAN PHUONG	BK15	02	1	6		62	PSV	Vietnamese
15	VU VAN CUONG	BK10	95	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CONG HOAN	BK10	89	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGHIEM XUAN ANH	BK10	52	1	12		55	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ TUÂN VIỆT	BK10	94	1	6	35	68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MINH THANG	BK10	92	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM NHU SANG	BK10	91	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN NGOC TUAN ANH	BK10	93	1	14	20	81	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN THANH SON	BK10	90	1	4		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	3	15	286	25	0		
2	BK15	10	11	91	756	35	9		
3	BK10	8	8	70	565	55	6		
TOTAL		22	22	176	1.607	115	15		
WEIGHT KG				176	1.607	115			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: P2 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - DTùng	ETA: 09:25
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	99	1	16	34	68	XAYLAP	Vietnamese
2	MAI VAN QUYET	P2	97-98	2	20	40	62	XAYLAP	Vietnamese
3	LAI HUY CUONG	P2				25	65	XAYLAP	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	93	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	94	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	89	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	90-92	3	8		61	KH-THAC	Vietnamese
8	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	200	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN HAI	P2	88	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HIỆN TRƯỞNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC TOÀN	P11	04	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN LAM	P11					72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH TRUNG	P11	01	1	15		82	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN KIM SƠN	P11	05	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	P11	02-03	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	06	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	07	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	09	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	P11	08	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	11	73	642	99	8 + 2		CHUYEN 02 PAX TU P2 SANG P11
2	P11	10	9	67	738	0	14		
TOTAL		20	20	140	1.380	99	22		
WEIGHT KG				140	1.380	99			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	TO: P9 - P10 - P8	CREW: ĐỨC - KHẢI - ĐĂNG	ETA: 11:50
Trang - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	68	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	73	1	10		56	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	79	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P9	81	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÂN	P9	69	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA KÝ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH HOÀI	P9	77	1	6		105	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN HOÀ	P9	80	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	67	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LĂNG TỬ	P9	78	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	76	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	IAKIMIDI R.	P10	97	1	6		107	KH-THAC	Russian
15	TRẦN VĂN THẮNG	P10	95	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	94	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	86	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	93	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH LIÊM	P10	87	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THẢO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG SY NGUYỄN	P10	96	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CUƠNG	P10	98	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	12	76	920	40	11		
2	P10	9	8	47	686	0	10		
3	P8	0	0	0	0	18	1		
TOTAL		22	20	123	1.606	58	22		
WEIGHT KG				123	1.606	58			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: TD2 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ KHƯƠNG DUY	TD2	46-47	2	18	70	65	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ VĂN QUÂN	TD2	48-49	2	19		73	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ THUẬN THANH	TD2	50	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHUNG CÔNG DU	TD2	45	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔNG VĂN THÈ	TD2	44	1	15		78	SCHLUMBE	Vietnamese
6	PHẠM THANH BÌNH	TD2	52	1	7		85	ANTOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN NAM	TD2	43	1	14		68	DVL	Vietnamese
8	PHAN XUÂN HOÀ	TD2					72	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUÂN	TD2	51	1	8		50	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN TÀI	TD2					78	PSV	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐỒ	TD2	42	1	5		67	PSV	Vietnamese
12	VŨ NAM GIANG	P9	10	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	11	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUY	P9	09	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH THÈ NHÀN	P9	08	1	5	16	74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC ANH	P9	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HŨA SAY	P9	04	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	05	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	02-03	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	07	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ TUÂN MẠNH	P9	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	P9	13	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	11	114	783	70	8		
2	P9	11	12	59	769	16	14		
TOTAL		22	23	173	1.552	86	22		
WEIGHT KG				173	1.552	86			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: VSP01 - P2 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	VSP01	59	1	13	90	70	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN DŨNG	VSP01	60	1	13		53	CODIEN	Vietnamese
3	VÕ TIẾN PHỤNG	VSP01	61	1	12		73	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	VSP01	62-63	2	20		68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY BAI	VSP01	58	1	17		87	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC MINH	P2	02,65	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	05	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	66	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI HOANG TÂM	P2	04	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THIÊN NAM	P2	07	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	06	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ HUY HUNG	P2	08	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN HOANG	P2	89-90	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
14	CHÊ NGỌC TŨ	P2	01,13	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐẠI THẮNG	P2	69-70	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN BA ĐÔNG	P2	09-10	2	10		66	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN HUÂN	P2	91	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THANH	P2	11-12	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
19	HA VĂN NHIỆM	P2	03	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO VĂN HOÀN	P2	92-93	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI XUÂN QUANG	P2	94-95	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P2	67-68	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	5	6	75	351	90	0		
2	P2	17	26	201	1.181	0	17		
3	MRM	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	32	276	1.532	90	22		
WEIGHT KG				276	1.532	90			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: TD3 - PPD - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHÁI - ĐANG	ETA: 14:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG ĐAN	TD3	65	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	TD3	66	1	10	50	64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VINH TRUONG	TD3	69	1	10		69	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOI	TD3	68	1	10		67	DVL	Vietnamese
5	HÔ VĂN ĐỨC	TD3	89	1	4		66	PSV	Vietnamese
6	LÊ MINH KHƯƠNG	TD3	67	1	7		84	PSV	Vietnamese
7	CHANDRA SEKAR THIRUGNANA	PPD	44-45	2	20	10	83	KHI	Indian
8	CAO NAM QUÝ	PPD	36,34	2	20		70	KHI	Vietnamese
9	DIỆP XUÂN PHONG	PPD	37	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	TRỊNH HOÀNG THÉM	PPD	41-42	2	14		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH KHOA	PPD	43	1	3		75	KHI	Vietnamese
12	TRƯƠNG NGỌC LINH	PPD	38	1	6		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HAO	PPD	39	1	7		73	KHI	Vietnamese
14	LƯU VĂN KHAI	PPD	40	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	PHẠM BUI HOÀNG LONG	PPD	35	1	4		78	KHI	Vietnamese
16	PHAN CÔNG HUY	P11	15-16	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN HÌNH	P11	12-13	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P11	11	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG AN	P11	17	1	7	30	71	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MẠNH CUÔNG	P11	20	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN ĐẠT	P11	18-19	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ VĂN KIỀU CĂN	P11	14	1	6		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	6	45	414	50	2		
2	PPD	9	12	84	656	10	4		
3	P11	7	10	59	499	30	16		
TOTAL		22	28	188	1.569	90	22		
WEIGHT KG				188	1.569	90			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: P2 - BK6 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Tú	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN SAU	P2	66-67	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
2	LE HUU QUAN	P2	63-64	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NGHIA	P2	69-70	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG TRUNG	P2	71-72	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN THE HUNG	P2	65	1	7		80	T-TIN	Vietnamese
6	TRUONG TRONG THI	P2	73	1	5		70	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC PHUC	P2	60	1	10		56	KHI	Vietnamese
8	PHAM HOANG PHONG	P2	61-62	2	13		65	KHI	Vietnamese
9	TRAN TRONG PHONG	P2	68	1	7		74	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG CHINH	BK6	04	1	16	47	88	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN HUY ANH	BK6	06	1	10	15	92	XAYLAP	Vietnamese
12	LUONG XUAN QUANG	BK6	03	1	16		56	XAYLAP	Vietnamese
13	TRUONG CHI THANH	BK6	05	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUAN	BK6	14-15	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
15	VU THAI ANH	BK6	18-19	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
16	LE CONG THUONG	BK6	12-13	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI CONG HUNG	BK6	10-11	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN HIEU	BK6	16-17	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN DOAN	BK6	01	1	18		73	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DANG THANH	BK6	02	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC TUAN	BK6	08-09	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	14	114	593	0	6		CHUYEN 2 PAX BK6-BK8
2	BK6	12	18	184	873	62	112		
3	BK8	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	32	298	1.466	62	22		
WEIGHT KG				298	1.466	62			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2024	TO: P10 - P3 - BK21	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - Toan	ETA: 14:05
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH XUAN QUAN	P10	10	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHANH TOAN	P10	30	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC PHI	P10	25	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VU KIEN	P10	11	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM TIEN PHUONG	P10	17	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	VU PHUONG HUONG	P10	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUAN	P10	26	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN MINH TUAN	P10	31	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN BAO TOAN	P10	07-09	3	16		72	KH-THAC	Vietnamese
10	DO LENH DAO	P10	12	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH CONG VAN	P10	03	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	DO TRUONG THINH	P10	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE NGUYEN KINH CHAU	P10	99	1	3		69	VIET PHAT	Vietnamese
14	DU TRAN HUNG	P10	2000	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH PHUONG	P10	18-19	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HIEN	P10	13-14	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐANG ANH TUAN	P10	06	1	10		47	XAYLAP	Vietnamese
18	PHUNG VAN CUONG	P10	04-05	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC SON	P10	15-16	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM TIEN HAI	P10	27	1	13	30	74	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG MINH TAN	P10	20-21	2	18		78	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	21	28	203	1.509	30	17		
2	P3	0	0	0	0	0	3		
3	BK21	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	28	203	1.509	30	21		
WEIGHT KG				203	1.509	30			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+CTK3+VSP01	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
2		TD5+ RC5	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
3		TD3+RC5	7:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
4		AMD+TD1+HSD	9:25	21+0+1	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
5		RP3+RP2+VSP02	9:25	15+0+6	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
6		AMD+TD5+PPD	11:25	18+0+3	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
7		AMD+TD2+TD3	11:25	9+5+7	0+0+0		10+3+9	0+0+0	
8		T.UNG	11:25	18	0		17	0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày PPD-Ing



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2024	TO: PPD - CTK3 - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cuong - N.Nam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH PHONG	PPD					100	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ TRUNG KIẾN	PPD	76-78	3	20		72	YTE	Vietnamese
3	TRINH VAN NHA	PPD	99,97	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NANG PHONG	PPD	94	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET TIEN	PPD	80-82	3	17		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CAO CUONG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SON	PPD	93	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VAN DAO	PPD	88	1	13		90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	83,87	2	9		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HUY	PPD	90	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	300	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	BIỆN MINH SƠN	PPD	92	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SINH	PPD	96	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	89	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CONG DUNG	PPD	91	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TIEN DAT	PPD	73-75	3	17		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH TRI	PPD	79	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ CHÍ KIẾN	PPD	95	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM	CTK3	66	1	9	25	71	KH-THAC	Vietnamese
21	CU XUAN HUY	CTK3	67	1	7	40	65	HVJOC	Vietnamese
22	THAI QUANG HUY	CTK3					65	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	24	158	1.399	0	18		+ 1NB VỀ NGÔI GHÊ PHU
2	CTK3	3	2	16	201	65	3		
3	VSP01	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	26	174	1.600	65	22		
WEIGHT KG				174	1.600	65			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2024	TO: TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	50	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	61	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
3	TU DUONG DUNG	TD5	55	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
4	CAO ĐỨC HAI	TD5	60	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN TIẾN	TD5	59	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	76-77	2	11		65	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN THUY	TD5	57	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	65-66	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
9	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	62	1	6		102	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	63	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	56	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẠO QUANG MINH	TD5	81-84	4	25		65	KHOAN	Vietnamese
13	LƯƠNG XUÂN THAI	TD5	67	1	7	50	73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HUY	TD5	69-70	2	25		72	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ TRUNG KIẾN	TD5	74	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC SƠN	TD5	68	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VIỆT HUÂN	TD5	73	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TRỌNG NHIÊN	TD5	75	1	11		52	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	TD5	71	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD5	72	1	12		105	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN THĂNG	TD5	64	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	THẠCH BANE	TD5	58	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	28	190	1.620	50	22		
TOTAL		22	28	190	1.620	50	22		
WEIGHT KG				190	1.620	50			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD3 - RC5	CREW: ĐỨC - KHẢI - ĐANG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	58	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
2	ĐANG XUÂN LƯU	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	56	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	60	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	54-55	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD3	52	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	61	1	5	30	82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC BẢO TỬ	TD3	57	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD3	46-47	2	17		53	CODIEN	Vietnamese
11	HỒ CHIẾN THẮNG	TD3	53	1	10		58	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN MINH TÙNG	TD3	48	1	14		75	CODIEN	Vietnamese
13	ĐANG TRỌNG DŨNG	TD3	49-50	2	12		66	CODIEN	Vietnamese
14	CAO XUÂN DŨNG	TD3	45	1	11	28	75	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN HÙNG	TD3	59	1	10		69	DATAKAN	Vietnamese
16	PHẠM HUY THƯƠNG	TD3	51	1	10		86	DATAKAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	RC5	44	1	5		65	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN MINH ĐẠT	RC5	45-46	2	16		79	DVL	Vietnamese
19	ĐOÀN MINH HƯƠNG	RC5	49-50	2	14	25	60	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM HAI	RC5	52-53	2	15	20	79	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐŨNG	RC5	51	1	15		59	DVL	Vietnamese
22	PHẠM VĂN CUÔNG	RC5	47-48	2	15		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	16	17	136	1.117	58	14		
2	RC5	6	10	80	422	45	8		
TOTAL		22	27	216	1.539	103	22		
WEIGHT KG				216	1.539	103			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2024	TO: AMD - TD1 - HSD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - VThắng - NNam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA NGOC HOAN	AMD	75	1	9		72	HLJOC	Vietnamese
2	PHUNG MINH HAI	AMD	68	1	7		74	HLJOC	Vietnamese
3	TRINH THUONG MAI	AMD	61-62	2	11		61	TLJOC	Vietnamese
4	HY TAC SANG	AMD	76-77	2	14	60	74	TLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	67-68	2	17		88	TLJOC	Vietnamese
6	DUONG NHAT QUANG	AMD	59	1	6		65	BAB	Vietnamese
7	NGO SY KHOI	AMD	56	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN LAM	AMD	52	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN VAN DUNG	AMD	71-72	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH KHOA	AMD	69-70	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRUNG KIEN	AMD	50	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LE TRI TRUNG	AMD	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG THE KHAI	AMD	51	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	LE QUOC HUY	AMD	53-55	3	15		87	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN TRUONG	AMD	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE THANH TAN	AMD	60	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TANG XUAN HAI	AMD	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG VAN DONG	AMD	74	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG LONG	AMD	57-58	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MANH HA	AMD	63	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN DUC CUONG	AMD	64	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN NGOC THUONG	HSD	30	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	29	176	1.463	60	16		
2	TD1	0	0	0	0	0	4		
3	HSD	1	1	14	81	0	2		
TOTAL		22	30	190	1.544	60	22		
WEIGHT KG				190	1.544	60			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2024	TO: RP3 - RP2 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAN HOANG	RP3	05	1	7		68	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN BA TRIET	RP3	10	1	8		70	KHI	Vietnamese
3	HOANG VAN HUNG	RP3	15	1	11	58	85	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN ANH	RP3	13-14	2	13		85	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN LỊCH	RP3	09	1	8		55	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TRINH	RP3	04	1	11		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC MANH	RP3	12	1	8		72	KHI	Vietnamese
8	TRẦN QUYẾT TIẾN	RP3	25	1	8		70	KHI	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	07	1	8		75	KHI	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH HAI	RP3	06	1	5		79	KHI	Vietnamese
11	PHẠM MẠNH TRUNG	RP3	11	1	9		90	KHI	Vietnamese
12	ĐÀO CHÍ THANH	RP3	02	1	12		86	CODIEN	Vietnamese
13	BUI QUANG HẠNH	RP3	01	1	6		57	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ HOANG VŨ	RP3	08	1	8	47	68	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HIEN	RP3	03	1	8		71	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN CONG KHOAI	RP3	99	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	78	1	8	20	61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC TỰ	VSP02					82	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HONG ĐỨC	VSP02	79	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	HÀN VĂN HIỆU	VSP02	80	1	6		79	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VŨ BA LINH	VSP02	81	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	ĐÔNG XUÂN THAI	VSP02	82-83	2	9		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	17	140	1.174	105	5		
2	RP2	0	0	0	0	0	8		
3	VSP02	6	6	33	427	20	9		
TOTAL		22	23	173	1.601	125	22		
WEIGHT KG				173	1.601	125			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2024	TO: AMD - TD5 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Huy	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TUÂN CHUNG	AMD	24	1	12	40	61	KH-THAC	Vietnamese
2	CÔNG ĐỨC MINH TRI	AMD	23	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ANH TUÂN	AMD	13-14	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CÔNG	AMD	31-33	3	19		61	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	17-18	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LUƠNG	AMD	22	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ TRI HUNG	AMD	15	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN BẠC	AMD	19-20	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	16	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGỌC TÂN	AMD	21	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ HỒNG HAI	AMD	10	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM MẠNH HAI	AMD	08-09	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
13	TÔNG VĂN ĐỨC	AMD	11-12	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SANG	AMD	06-07	2	22		68	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG THĂNG LONG	AMD	34-35	2	19		79	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ MẠNH HUNG	AMD	36-37	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ XUÂN THÀNH	AMD	28-30	3	21		74	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH HUNG	AMD	25-27	3	22		73	XAYLAP	Vietnamese
19	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	67	1	13		90	ANTOAN	Russian
20	TU NGỌC HAI	PPD	62-63	2	10		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH NGỌC	PPD	64	1	5		83	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG TRUNG	PPD	65-66	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	32	254	1.232	40	10		
2	TD5	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	4	6	41	318	0	10		
TOTAL		22	38	295	1.550	40	22		
WEIGHT KG				295	1.550	40			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu vsp



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2024	TO: AMD - TD2 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - THỤ	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THANH SON	AMD	84	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TRUONG	AMD	89	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN VIET	AMD	88	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
4	CAO MINH CUONG	AMD	87	1	11		90	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐO NHẬT QUI	AMD	90	1	12	52	65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	86	1	3		72	PSV	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG ĐIỀN	AMD	83	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	PHẠM TUÂN THANH	AMD	85	1	5		78	PSV	Vietnamese
9	BUI VAN QUOC	AMD	82	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	ĐO ĐỨC NGỌC	TD2	59	1	10		74	PVDWS	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUAN	TD2	57	1	11		67	PVDWS	Vietnamese
12	ĐINH CHI CÔNG	TD2	58	1	14		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THAI QUYNH	TD2	61	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THE DUNG	TD2	60	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
15	LO XUAN PHU	TD3	38-39	2	17		75	DATAKAN	Vietnamese
16	ĐÀO VĂN DUNG	TD3	37	1	12		78	DATAKAN	Vietnamese
17	TRUONG QUYET THANG	TD3	32	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUANG VU	TD3	33	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VĂN HIỂU	TD3	34	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HÙNG	TD3	36	1	7	17	88	KH-THAC	Vietnamese
21	LAI ANH TUAN	TD3	31	1	14		100	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	9	74	659	52	10		
2	TD2	5	5	59	347	0	3		
3	TD3	7	8	87	567	17	9		
TOTAL		21	22	220	1.573	69	22		
WEIGHT KG				220	1.573	69			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Linh rep



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Nam - LTuấn	ETA: 14:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH HIEU NGHIA	T.UNG	19	1	8		80	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TUAN	T.UNG	13	1	6		80	PVEP ITC	Vietnamese
3	BUI TRONG HUNG	T.UNG	15	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
4	DO THANH TUNG	T.UNG	14	1	2		83	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG VAN MANH	T.UNG	16-18	3	11		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUY DUC	T.UNG	20-21	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG VAN LUONG	T.UNG	72-73	2	9		92	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH QUOC BAO	T.UNG	08	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH BAC	T.UNG	03	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BAC	T.UNG	71	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HAI	T.UNG	11-12	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM QUANG QUY	T.UNG	06	1	14		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN XUAN THUY	T.UNG	07	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	FEDORCHENKO. VIKTOR	T.UNG	22-23	2	9		78	KH-THAC	Russian
15	TRAN DUC DAT	T.UNG	05	1	11		66	CODIEN	Vietnamese
16	DO VIET LONG	T.UNG	02	1	7		59	CODIEN	Vietnamese
17	LUU VAN DAN	T.UNG	04	1	14		59	CODIEN	Vietnamese
18	DO THANH TUNG	T.UNG	09-10	2	10		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	25	144	1.241	0	17		
TOTAL		18	25	144	1.241	0	17		
WEIGHT KG				144	1.241	0			

GRAND TOAL: 1.385 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN